

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2020.

V/v “ *Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lưu Đình Lý

2. Bà: Đỗ Thị Kim Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đình, xã Liên Vị, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Nam, xã Liên Vị, thị xã Q, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đình, xã Liên Vị, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/11/2019, Bản tự khai ngày 02/01/2020 của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q thể hiện: Chị và anh Lê Văn C đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã L, thị xã Q, tỉnh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở Xóm Đ, xã L.

Quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Nay chị thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn C có 01 con chung là Lê Phúc Đ, sinh ngày 26/4/2015. Chị Q yêu cầu được nuôi con chung và không yêu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Các tài liệu chứng cứ chị Nguyễn Thị Q đã nộp kèm theo Đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 Bản chính), Sổ hộ khẩu chủ hộ Lê Văn C (01 Bản sao), Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Q (01 Bản sao), Giấy khai sinh con chung Lê Phúc Đ (01 Bản sao).

Các chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: Bản tự khai của chị Nguyễn Thị Q; 01 Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương tại xã L, thị xã Q, tỉnh Q; 01 Biên bản làm việc với ông Lê Văn L (bố đẻ anh Lê Văn C)

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát thị xã Q phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án:

- + Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

- + Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Lê Văn C. Về con chung: Giao có 01 con chung là Lê Phúc Đạt, sinh ngày 26/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Về cấp dưỡng nuôi con chung Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập, tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình của chị Nguyễn Thị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lê Văn C nhiều lần nhưng anh Cầu đều vắng mặt. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho bố đẻ của anh Cầu và tiến hành niêm yết tại địa phương, anh Lê Văn C vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa ngày 15/5/2020, Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn C tiếp tục

vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Q có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn C.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Lê Văn C đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã L, thị xã Q, tỉnh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C chị Q chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở Xóm Đ, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng chị Q anh C đã sống ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2020 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng anh C chị Q có 01 con chung là Lê Phúc Đ, sinh ngày 26/4/2015, về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có.

Nội dung mâu thuẫn cũng được chính quyền địa phương xác nhận tại biên bản xác minh ngày 10/03/2019 thể hiện:

Về tình cảm: Chị Q và anh C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 11/6/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trước khi kết hôn chị Q đã đăng ký kết hôn với một người khác và đã giải quyết ly hôn xong, còn anh C chưa có vợ. Sau khi kết hôn chị Q và anh C về chung sống với nhau tại nhà bố, mẹ đẻ anh C tại Xóm Đ, xã L, thị xã Q không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp với nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ lẫn nhau. Chị Q đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở 7 đến 8 tháng nay, chị Q và anh C cũng đã sống ly thân kể từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Biên bản xác minh tại nhà ông Lê Văn L (bố đẻ của anh Lê Văn C) ở Xóm Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Q cũng thể hiện:

Anh Lê Văn C sinh năm 1989, nơi ĐKKHKT: Xóm Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Q, hiện đang đi làm thuê ở thành phố C, tỉnh Q. Thỉnh thoảng anh C về chơi với con vài ngày xong lại đi. Khi anh C về nhà ông bà (bố mẹ anh C) cũng nói chuyện với anh C toàn bộ giấy tờ mà ông L đã nhận như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về việc thu thập chứng cứ, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân thị xã Q. Anh C cũng đã nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo do chị Nguyễn Thị Q gửi qua đường bưu điện đến. Anh C đã đọc và biết được toàn bộ nội dung đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Q nhưng do công việc nên anh C không có thời gian đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án những ngày mà Tòa án đã triệu tập. Qua điện thoại giữa ông L và anh C, anh cũng thể hiện giữa anh và chị Q cũng xảy ra mâu thuẫn và có trục trặc. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý nên ông L có quan điểm: Chị Q và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 11 tháng 6 năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn chị Q đã từng có chồng, anh C chưa có vợ. Sau khi kết hôn chị Q và anh C về chung sống với nhau ở Xóm Đ, xã L không được hạnh phúc. Thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp với

nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cãi cọ lẫn nhau. Chị Q đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở.

Về con chung: Chị Q và anh C có 01 con chung tên là Lê Phúc Đ, sinh ngày 26/4/2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị Q anh C có hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Hiện nay, anh Lê Văn C đi làm ăn tại thành phố C, tỉnh Q, không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, gia đình vẫn liên lạc với anh C bình thường và thỉnh thoảng anh C vẫn về nhà chơi. Anh C cũng được biết toàn bộ những thủ tục tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt cho anh cũng như nội dung khởi kiện, toàn bộ tài liệu kèm theo đơn khởi kiện mà chị Q đã phô tô gửi cho anh C. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý nên không thể hiện quan điểm của anh C và chị Nguyễn Thị Q đang nuôi dưỡng chăm sóc con chung ổn định.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung Lê Phúc Đ, sinh ngày 26/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-QH, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q.

Tuyên xử:

- Về tình cảm vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lê Văn C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Phúc Đ, sinh ngày 26 tháng 04 năm 2015 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ chị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001649, ngày 26 tháng 12 năm 2019. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn C vắng mặt không có lý do, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Q*
- *VKSND TX. Q*
- *UBND xã L*
- *Chi cục THADS TX. Q*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ, VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh